**PHIẾU ÔN TIẾNG VIỆT TUẦN 35**

Họ và tên HS:.........................................

Lớp: …………

 **1.Đọc thầm bài và trả lời câu hỏi:**

Chú công

 Lúc mới chào đời, chú công nhỏ chỉ có bộ lông tơ màu nâu gạch. Sau vài giờ, công đã có động tác xòe cái đuôi nhỏ xíu thành hình rẻ quạt.

 Sau hai, ba năm, đuôi công trống lớn thành một thứ xiêm áo rực rỡ sắc màu. Mỗi chiếc lông đuôi óng ánh màu xanh sẫm, được tô điểm bằng những đốm tròn đủ màu sắc. Khi giương rộng, đuôi xòe tròn như một cái quạt lớn có đính hàng trăm viên ngọc lóng lánh.

 Theo Lê Quang Long

Câu 1: Lúc mới chào đời, chú công nhỏ có bộ lông tơ màu gì?

1. Màu đỏ gạch.
2. Màu nâu gạch.
3. Màu xanh sẫm.

Câu 2: Sau vài giờ, chú công nhỏ đã biết:

1. Vỗ cánh tập bay.
2. Xòe cái duôi nhỏ xíu thành hình rẻ quạt.
3. Há mỏ đòi ăn.

Câu 3: Sau hai, ba năm đuôi công như thế nào?

1. Thành một thứ xiêm áo rực rỡ sắc màu.
2. Thành một cái quạt nhỏ.
3. Thành hình rẻ quạt.

Câu 4: Viết các từ ngữ chỉ màu sắc có trong bài “Chú công”.

………………………………………………………………………………………

**2. Bài tập:**

Câu 1: Điền chữ **ng** hay **ngh:**

 **-** ………e nhạc , …….ây thơ

Câu 2: Điền vần **ai** hay **ay:**

 - lỗ t……. , xe chữa ch…….

**PHIẾU ÔN TIẾNG VIỆT TUẦN 35**

Họ và tên HS:.........................................

Lớp: …………

 **1.Đọc thầm bài và trả lời câu hỏi:**

**Gà và vịt**

Gà và vịt sống bên bờ một con sông cạn. Mỗi sáng tinh mơ, hai bạn rủ nhau qua sông kiếm mồi. Năm nay, con sông bỗng đầy ắp nước. Vịt dễ dàng bơi qua sông nhưng gà không biết bơi. Vịt thương Gà ở lại sẽ bị đói, bèn cõng Gà bơi sang bờ bên kia. Hai bạn lại cùng nhau kiếm no mồi mới trở về.

 Theo Truyện Cổ tích về các loài vật

**Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho các câu hỏi 1, 2, 3.**

 **Câu 1:**  **Gà và Vịt sống ở đâu?**

 a. Trên dòng sông .

1. Bên bờ một con sông cạn.
2. Bên bờ con sông luôn đầy nước .

 **Câu 2:** **Hằng ngày, hai bạn rủ nhau đi kiếm mồi vào lúc nào ?**

 a. Buổi sáng tinh mơ.

 b. Buổi trưa.

 c. Buổi chiều.

 **Câu 3: Vì sao Vịt cõng Gà bơi qua sông ?**

1. Vì muốn khoe mình giỏi.
2. Vì muốn dạy Gà tập bơi.
3. Vì thương Gà ở lại sẽ bị đói.

**2. Bài tập**

**Câu 1**: **Điền vào chỗ trống:**

 a/ Điền dấu **hỏi** *hay***ngã**

 **qua** bóng tròn vườn rau **cai**

 b/ Điền chữ **n*g*** hay **n*gh?***

…………ỉ hè sông ……òi

 **Câu 2: Chọn từ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống**

a. hoa**………….( súng / xúng)**

b. cầu **…………...( trượt / chượt)**

**PHIẾU ÔN TIẾNG VIỆT TUẦN 35**

Họ và tên HS:.........................................

Lớp: …………

 **1.Đọc thầm bài và trả lời câu hỏi:**

**Bác trống trường**

Tôi là trống trường. Thân hình tôi đẫy đà, nước da nâu bóng. Học trò thường gọi tôi là bác trống. Có lẽ vì các bạn thấy tôi ở trường lâu lắm rồi.

 Hằng ngày, tôi giúp học trò ra vào lớp đúng giờ. Ngày khai trường, tiếng của tôi dõng dạc “ tùng … tùng … tùng…”, báo hiệu một năm học mới.

 Bây giờ có thêm anh chuông điện, thỉnh thoảng cũng “ reng… reng … reng…” báo giờ học. Nhưng tôi vẫn là người bạn thân thiết của các cô cậu học trò.

 *Huy Bình*

***Em hãy khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng:***

**Câu 1***.* **Thân hình bác trống trường như thế nào?**

A. Đẫy đà
B. Nhanh nhẹn
C. Xấu xí

**Câu 2. Nước da bác trống trường có màu gì?**

A. Màu đỏ

B. Nâu bóng

C. Màu xanh

**Câu 3. Hằng ngày, trống trường giúp học sinh việc gì?**

A. Ra vào lớp đúng giờ.

B. Người bạn thân thiết của học sinh.

1. **Bài tập:**

**Câu 1: Điền vào chỗ trống:**

1. Điền chữ : ng hay ngh?

.......ỉ ngơi .......à voi

**Câu 2: Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ chấm**

1. Cây xanh làm cho không khí ( xạch/ sạch) .........................hơn và trái đất xanh hơn.
2. Vừa qua,trường em ...............................( tổ trức / tổ chức) đi tham quan phòng triển lãm tranh.

**PHIẾU ÔN TIẾNG VIỆT TUẦN 35**

Họ và tên HS:.........................................

Lớp: …………

 **1.Đọc thầm bài và trả lời câu hỏi:**

**Chim sơn ca**

Trưa mùa hè, nắng vàng như mật ong trải nhẹ trên khắp các cánh đồng cỏ. Những con sơn ca nhảy nhót trên sườn đồi. Chúng bay lên cao và cất tiếng hót. Tiếng hót lúc trầm, lúc bổng, lảnh lót vang mãi đi xa. Bỗng dưng lũ sơn ca không hót nữa mà bay vút lên trên nền trời xanh thẳm. Chúng đâu biết mặt đất vẫn còn lưu luyến mãi với tiếng hót tuyệt vời của chim sơn ca.

**Theo Phượng Vũ**

***Em hãy khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng:***

**Câu 1. Chim sơn ca nhảy nhót ở nơi đâu?**

A. Trên đồng cỏ
B. Trên sườn đồi
C. Trên mặt đất

**Câu 2. Tiếng hót của sơn ca như thế nào?**

A. rất hay

B. thánh thót

C. lúc trầm, lúc bổng, lảnh lót vang mãi đi xa

**Câu 3: Mặt đất lưu luyến mãi điều gì ở chim sơn ca?**

A. Bước chân nhảy nhót
B. Tiếng hót tuyệt vời
C. Tài bay cao vút

 **2. Bài tập**

**Câu 1: Điền vào chỗ trống:**

1. **Điền vần : im hay iêm?**

 xâu k...... t....... thuốc

1. **Điền chữ : ng hay ngh?**

......ỉ hè nhà .....ói

**Câu 2: Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ chấm cho đúng:**

a.Tiếng cô giáo .....................(trang/ chang) nghiêm mà ấm áp.

b. Gió ..............(lùa/ lừa) trong tán lá.

**PHIẾU ÔN TIẾNG VIỆT TUẦN 35**

Họ và tên HS:.........................................

Lớp: …………

 **1.Đọc thầm bài và trả lời câu hỏi:**

**Chú bé giọt nước**

 Chú bé giọt nước được bà mẹ biển cả sinh ra. Mẹ dặn chú bé không được đi chơi xa.

 Một buổi nọ, giọt nước trốn mẹ đi theo tia nắng lên chơi với mây trắng. Ba bạn đang chơi vui vẻ thì gã mây đen xông đến chặn mây trắng lại. Bầu trời bắt đầu tối sầm lại. Giọt nước sợ quá, ngã vật ra.

 Khi tỉnh dậy chú thấy mình đang treo lơ lửng trên ngọn cỏ bên cạnh một tảng đá. Chú ân hận lắm, bèn nhờ tảng đá đưa về gặp mẹ.

 *Theo Hoài Khánh*

***Em hãy khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng:***

**Câu 1: Chú bé giọt nước được ai sinh ra?**

A. Bà mẹ biển cả

B. Tia nắng

C. Mây trắng

**Câu 2:** **Bạn của giọt nước là ai?**

A. Mây trắng và mây đen

B. Mây trắng và tia nắng

C. Tia nắng và mây đen

**Câu 3: Khi bầu trời bắt đầu tối sầm lại, giọt nước cảm thấy như thế nào?**

A. Giọt nước vui vẻ chơi với bạn.

B. Giọt nước sợ quá, ngã vật ra.

C. Giọt nước ân hận và nhớ mẹ.

 **2. Bài tập**

**Câu 1**

**a) Điền vào chỗ chấm (….) ng hoặc ngh :**

 Bé đọc bài cho mẹ ………e Kệ sách lớp em được xếp ……..ăn nắp.

**b) Điền ʼ/ ~ vào những tiếng in đậm**

 Mẹ ru bé **ngu.** Bạn Lan đang ngồi **ve** tranh.

**Câu 2:Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ chấm:**

a. Chú........................ gáy ò ó o, báo cho mọi người thức dậy. (gà chống / gà trống)

b. ............................. đang say sưa giảng bài cho chúng em. (Cô giáo/ Cô dáo)